

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực Tài nguyên nước, biển và hải đảo thuộc phạm vi, chức năng
quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng
tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 1214/SNNMT-TCCB ngày 27/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 (bảy) thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung (trong đó 01 TTHC lĩnh vực Tài nguyên nước và 06 TTHC lĩnh vực Biển và hải đảo) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này trong

thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hoá các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 tại Mục I và các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05 Mục II phần I ban hành kèm theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 28/6/2025; TTHC có số thứ tự 01 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, KH&CN;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₃.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC					
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	07 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước; - Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC lĩnh vực tài

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	34 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Công dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Luật Biển Việt Nam năm 2012; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Môi trường về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa	Như trên	Không	Như trên
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa	Như trên	Không	Như trên
4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	28 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa	Như trên	Không	Như trên

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	16 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa	Như trên	Không	Như trên
6	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu. - Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu. - Quyết định số 518/QĐ-BQP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.